

CHƯƠNG II: GÓC

§1. NỬA MẶT PHẪNG

I. Mục tiêu:

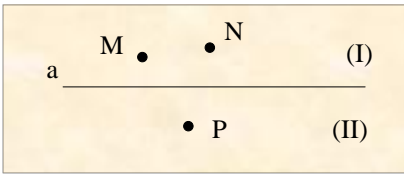
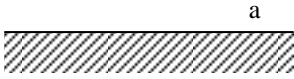
- Hiểu khái niệm nửa mặt phẳng. Biết cách gọi tên nửa mặt phẳng.
- Nhận biết tia nằm giữa hai tia qua vẽ hình.

II. Chuẩn bị:

- GV: SGK, SBT, bảng phụ, thước thẳng, phấn màu,...
- HS: SGK, SBT, bảng con, thước thẳng,...

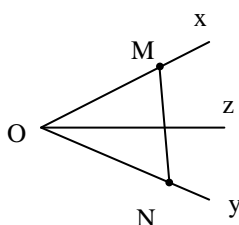
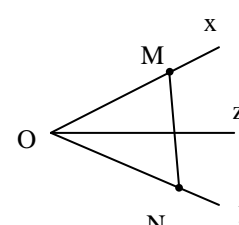
III. Các hoạt động dạy học:

1. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
Hoạt động 1: Nửa mặt phẳng bờ a (14ph)		
<p>- Mặt bãng, trang giấy, mặt nước lặng sóng... là hình ảnh của mặt phẳng.</p> <p>? Mặt phẳng có giới hạn không?</p> <p>- GV nhấn mạnh: Mặt phẳng không bị giới hạn về mọi phía.</p> <p>? Hãy lấy VD về hình ảnh mặt phẳng trong thực tế?</p> <p>- Đường thẳng a trên mặt phẳng của bãng chia mặt phẳng thành 2 phần, mỗi phần được gọi là một nửa mặt phẳng có bờ a.</p> <p>? Vậy thế nào là nửa mặt phẳng có bờ a?</p> <p>? Vậy hình gồm đường thẳng a và một phần bị chia ra bởi đường thẳng a gọi là gì?</p> <p>- GV treo hình 2/ 72 SGK</p> <div style="text-align: center; border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 10px 0;">  </div> <p>? Quan sát hình 2 trong SGK, hãy nhận xét về hai nửa mặt phẳng (I) và (II).</p> <p>- GV giới thiệu hai nửa mặt phẳng đối nhau.</p>	<p>- Mặt phẳng không giới hạn.</p> <p>- HS chú ý nghe giảng...</p> <p>- Hình ảnh của mặt phẳng: mặt bàn phẳng, trần nhà, bờ tường...</p> <p>- HS suy nghĩ...</p> <p>- Hình gồm đường thẳng a và một phần mặt phẳng bị chia ra bởi a được gọi là nửa mặt phẳng bờ a.</p> <p>- Hai nửa mặt phẳng có chung bờ a.</p> <p>- HS ghi bài...</p>	<p>1. Nửa mặt phẳng bờ a</p> <p>- Khái niệm: SGK/ 72</p> <div style="text-align: center; margin: 10px 0;">  </div> <p>- Hai nửa mặt phẳng có chung bờ gọi là hai nửa mặt phẳng đối nhau.</p>

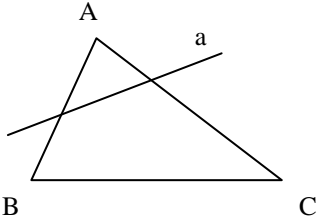
HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p>- GV nhận xét: Bất kì đường thẳng nào nằm trên mặt phẳng cũng là bờ chung của hai nửa mặt phẳng đối nhau.</p> <p>- GV giới thiệu cách gọi tên nửa mặt phẳng:</p> <p>Nửa mặt phẳng (I) là nửa mặt phẳng bờ a chứa điểm M hoặc nửa mặt phẳng có bờ a không chứa điểm P.</p> <p>☐ Tương tự, em hãy gọi tên nửa mặt phẳng (II)?</p>	<p>- HS chú ý nghe giảng...</p> <p>- Nửa mặt phẳng (II) là nửa mặt phẳng có bờ a chứa điểm P hoặc nửa mặt phẳng có bờ a không chứa điểm M và N.</p>	<p>- Bất kì đường thẳng nào nằm trên mặt phẳng cũng là bờ chung của hai nửa mặt phẳng đối nhau.</p>

Hoạt động 2: Tia nằm giữa hai tia (13ph)

<p>- Yêu cầu HS lên bảng vẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Vẽ 3 tia Ox, Oy, Oz • Lấy 2 điểm M, N: • $M \in Ox, M \neq O$; • $N \in Oy, N \neq O$. • Vẽ đoạn thẳng MN. <p>☐ Quan sát hình cho biết Oz có cắt đoạn thẳng MN?</p> <p>- Tia Oz cắt đoạn thẳng MN tại một điểm, ta nói tia Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy.</p> <p>- Quan sát hình 3/ 72 SGK</p> <p>☐ Hãy cho biết tia Oz có nằm giữa hai tia Ox và Oy?</p>	<p>- HS lên bảng vẽ hình</p>  <p>- Tia Oz cắt đoạn thẳng MN</p> <p>- HS chú ý lắng nghe</p> <p>- HS trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hình a, b: Tia Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy. • Hình c: Tia Oz không nằm giữa hai tia Ox và Oy. 	<p>2. Tia nằm giữa hai tia</p>  <p>Nếu tia Oz cắt MN ($M \in Ox, N \in Oy$) thì tia Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy.</p>
---	--	---

Hoạt động 3: Củng cố (15ph)

<p>- Nhắc lại khái niệm và cách gọi tên nửa mặt phẳng</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài 3/73 SGK. Điền vào chỗ trống trong các phát biểu sau:</p> <p>a) Bất kì đường thẳng nào nằm trên mặt phẳng cùng là bờ chung của hai</p> <p>b) Cho ba điểm không thẳng hàng O, A, B. Tia Ox nằm giữa</p>	<p>- HS nhắc lại khái niệm nửa mặt phẳng.</p> <p>- HS lên bảng ghi kết quả điền vào chỗ trống:</p>	<p>* Bài 3 SGK/73.</p> <p>a) Bất kì đường thẳng nào nằm trên mặt phẳng cùng là bờ chung của hai <u>nửa mặt phẳng đối nhau</u>.</p> <p>b) Cho ba điểm không thẳng hàng O, A, B. Tia Ox nằm giữa hai tia OA, OB khi tia Ox cắt <u>đoạn thẳng AB</u>.</p>
--	--	---

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
hai tia OA, OB khi tia Ox cắt - Yêu cầu HS làm bài 3/73 SGK.	- HS lên bảng làm bài, các HS khác làm bài vào vở.	<p>* Bài 4 SGK/73.</p>  <p>a) Hai nửa mặt phẳng đối nhau bờ a là:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nửa mặt phẳng bờ a chứa điểm A. • Nửa mặt phẳng bờ a chứa điểm B và C. <p>b) Đoạn thẳng BC không cắt đường thẳng a.</p>

2. Dẫn dò: (3ph)

- Học khái niệm nửa mặt phẳng, và cách nhận biết tia nằm giữa hai tia.
- Hướng dẫn BTVN 5/ 73 SGK.
- Xem trước bài “Góc”.

§2. GÓC

I. Mục tiêu:

- HS biết góc là gì, góc bẹt là gì?
- Biết vẽ góc, đặt tên góc, đọc tên góc, biết kí hiệu góc. Biết nhận biết một điểm nằm trong góc.

II. Chuẩn bị:

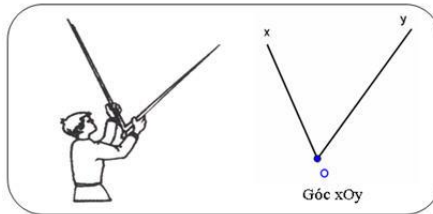
- GV: Giáo án, SGK, SBT, bảng phụ, thước thẳng,...
- HS: SGK, SBT, thước,...

III. Các hoạt động dạy học:

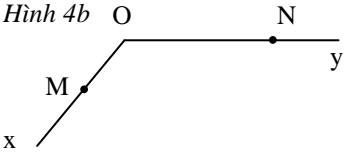
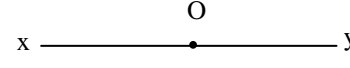
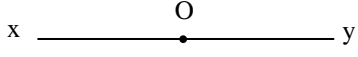
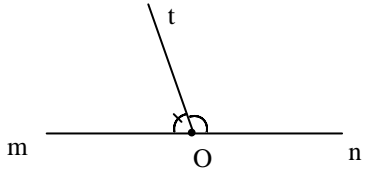
1. Kiểm tra bài cũ: (5ph)

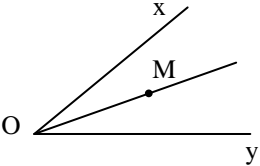
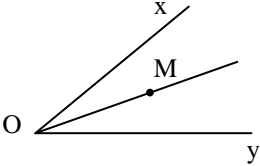
- HS1: Nêu khái niệm nửa mặt phẳng bờ a và làm bài 1/52 SBT.
- HS2: Thế nào là hai nửa mặt phẳng đối nhau? Vẽ hình minh họa.
- HS3: Sửa bài 5 SGK/73.

2. Bài mới:



HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
Hoạt động 1: Góc (13ph)		
<p>- Gọi HS lên bảng vẽ hai tia Ox, Oy.</p> <p>❓ Nhận xét các tia có đặc điểm gì?</p> <p>- Hình ảnh trên gọi là góc xOy</p> <p>❓ Thế nào là góc ?</p> <p>- Cho HS nhắc lại định nghĩa góc.</p> <p>- GV giới thiệu đỉnh, hai cạnh của góc và kí hiệu.</p> <p>- GV lưu ý với HS định được viết ở giữa.</p>	<p>- HS vẽ 2 tia chung gốc</p> <p>- Hai tia Ox và Oy có chung gốc</p> <p>- Góc là hình tạo bởi hai tia chung gốc.</p> <p>- HS nhắc lại định nghĩa SGK.</p> <p>- HS chú ý lắng nghe</p>	<p>1. Góc</p> <p>- Định nghĩa: Góc là hình tạo bởi hai tia chung gốc.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Điểm O là đỉnh. Hai tia Ox và Oy là hai cạnh của góc xOy. • Đọc là: góc xOy (hoặc góc yOx hoặc góc O).

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p>- GV treo hình 4 b, c / 74 SGK</p>  <p>Hình 4b</p>  <p>Hình 4c</p> <p>- Yêu cầu HS đọc tên đỉnh, tên cạnh, cách đọc, kí hiệu của góc ở hình 4 b, c</p> <p>❓ Hãy cho biết góc ở hình 4c có gì đặc biệt?</p> <p>- Góc xOy ở hình 4c là góc bẹt.</p> <p>- Vậy góc bẹt là góc như thế nào? Ta sang phần 2.</p>	<p>- HS đứng tại chỗ trả lời...</p> <p>- Hai cạnh của góc là hai tia đối nhau.</p> <p>- HS chú ý lắng nghe...</p>	<ul style="list-style-type: none"> Kí hiệu: \widehat{xOy} hoặc $\angle xOy$.
Hoạt động 2: Góc bẹt (5ph)		
<p>- GV giới thiệu định nghĩa góc bẹt và yêu cầu HS nhắc lại.</p> <p>❓ Nêu một số hình ảnh thực tế của góc, của góc bẹt?</p>	<p>- HS nhắc lại định nghĩa góc bẹt</p> <p>- Hình ảnh của góc: góc tạo bởi 2 kim đồng hồ; miệng kéo; compa...</p> <p>- Hình ảnh của góc bẹt: góc tạo bởi 2 kim đồng hồ lúc 6 giờ.</p>	<p>2. Góc bẹt</p> <p>- Định nghĩa: Góc bẹt là góc có hai cạnh là hai tia đối nhau.</p> 
Hoạt động 3: Vẽ góc (6ph)		
<p>❓ Để vẽ góc xOy ta thực hiện như thế nào?</p> <p>- GV nhấn mạnh cách vẽ góc</p> <ul style="list-style-type: none"> Xác định đỉnh và hai cạnh Vẽ đỉnh và hai cạnh. <p>- GV hướng dẫn cách kí hiệu góc trên hình vẽ như hình 5.</p> <p>- Vẽ góc bẹt mOn, trên cùng một nửa mặt phẳng vẽ tia Ot. Kê tên các góc trên hình.</p>	<p>- Vẽ 2 tia chung gốc Ox, Oy.</p> <p>- HS chú ý lắng nghe...</p> <p>- HS chú ý lắng nghe...</p> <p>- HS lên bảng vẽ hình, các HS khác vẽ hình và kí hiệu vào vở.</p>	<p>3. Vẽ góc</p> <p>- Cách vẽ góc:</p> <ul style="list-style-type: none"> Xác định đỉnh và hai cạnh Vẽ đỉnh và hai cạnh. <p>- Ví dụ:</p>  <p>Có góc mOn, mOt, tOn</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
Hoạt động 4: Điểm nằm bên trong góc (4ph)		
<p>- GV treo bảng phụ hình 6/ 74</p>  <p>- Cho góc xOy, lấy điểm M như hình vẽ, ta nói điểm M là điểm nằm bên trong góc xOy. Vẽ tia OM. Hãy nhận xét trong 3 tia Ox, Oy, OM tia nào là tia nằm giữa 2 tia còn lại?</p> <p>- Điểm M là điểm nằm trong góc xOy khi tia OM nằm giữa 2 tia Ox và Oy. Khi đó ta còn nói tia OM là tia nằm trong góc xOy.</p>	<p>- Tia OM nằm giữa hai tia Ox, Oy.</p> <p>- HS chú ý nghe giảng...</p>	<p>4. Điểm nằm bên trong góc</p>  <p>- Điểm M nằm trong góc xOy khi tia OM nằm giữa hai tia Ox và Oy.</p>
Hoạt động 5: Củng cố (10ph)		
<p>- HS nêu định nghĩa góc? Định nghĩa góc bẹt? Cách vẽ một góc?</p> <p>- GV treo bảng phụ bài 6/ 75 SGK (yêu cầu HS điền vào chỗ trống)</p> <p>- GV nhận xét và hoàn chỉnh lại</p> <p>- GV treo bảng phụ bài 7/ 75 SGK (Yêu cầu HS lên bảng điền vào chỗ trống).</p> <p>- GV nhận xét bài làm của HS.</p>	<p>- HS nêu định nghĩa góc, góc bẹt. Cách vẽ một góc.</p> <p>- HS lên bảng điền vào chỗ trống</p> <p>a) Hình gồm hai tia chung gốc Ox, Oy là <u>góc xOy</u>. Điểm O là <u>đỉnh</u>. Hai tia Ox, Oy là <u>hai cạnh của góc</u>.</p> <p>b) Góc RST có đỉnh là <u>điểm S</u>, có hai cạnh là <u>hai tia SR, ST</u>.</p> <p>c) Góc bẹt là <u>góc có hai cạnh là hai tia đối nhau</u>.</p> <p>- HS lên bảng điền vào chỗ trống:</p> <p>* Hình b:</p> <p>- Góc TMP, góc PMT, góc M. Đỉnh M. Cạnh: MT, MP. Kí hiệu: $\widehat{PMT}, \widehat{TMP}, \widehat{M}$.</p> <p>- Góc MTP, góc PTM, góc T. Đỉnh T. Cạnh: TM, TP. Kí hiệu: $\widehat{MTP}, \widehat{PTM}, \widehat{T}$.</p> <p>* Hình c:</p> <p>- Góc xPy góc yPx, góc P. Đỉnh P. Cạnh: Px, Py. Kí hiệu: $\widehat{xPy}, \widehat{yPx}, \widehat{P}$.</p>	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
	- Góc ySz , góc zSy , góc S . Đỉnh S . Cạnh: Sy , Sz . Kí hiệu: $\hat{ySz}, \hat{zSy}, \hat{S}$.	

3. Dẫn dò: (2ph)

- Học thuộc định nghĩa góc, góc bẹt, cách vẽ một góc.
- Hướng dẫn BTVN 8, 9, 10 / 75 SGK.
- Xem trước bài “Số đo góc” và chuẩn bị thước đo góc.

§3. SỐ ĐO GÓC

I. Mục tiêu:

- HS công nhận mỗi góc có một số đo xác định, góc bẹt có số đo là 180° .
- Biết đo góc một cách chính xác, cẩn thận. Biết so sánh hai góc.
- Biết định nghĩa góc vuông, góc nhọn, góc tù.

II. Chuẩn bị:

- GV: Giáo án, SGK, SBT, bảng phụ, thước thẳng, thước đo góc,...
- HS: SGK, SBT, thước đo góc,...

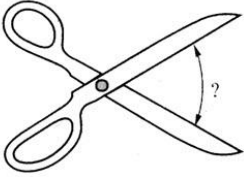
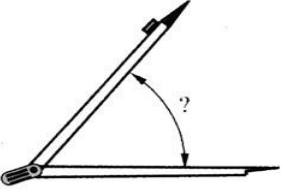
III. Các hoạt động dạy học:

1. **Kiểm tra bài cũ:** (5ph)

- HS1: Nêu định nghĩa góc và làm bài 8/ 75 SGK.
- HS2: Điểm A nằm trong góc xOy khi nào? Vẽ hình minh họa và đọc tên các góc trong hình đó.

2. **Bài mới:** Để đo một đoạn thẳng ta dùng thước chia khoảng. Để đo một góc ta dùng dụng cụ gì? Và đo một góc như thế nào? Để giải quyết vấn đề trên hôm nay chúng ta sẽ biết.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
Hoạt động 1: Đo góc (15ph)		
- Giới thiệu thước đo góc như trong SGK/ 76. - Yêu cầu HS xem cách đo theo hình 10 và nêu các bước thực hiện. - GV nhắc lại cách đo góc <ul style="list-style-type: none"> • Đặt thước đo sao cho tâm của thước trùng với đỉnh của góc. • Điều chỉnh thước sao cho vạch số 0 của thước trùng với một cạnh của góc, cạnh còn lại trùng với vạch nào của thước thì vạch đó chính là số đo của góc. - Yêu cầu HS vẽ góc xOy vào vở và tự đo góc vừa vẽ. ? Mỗi góc có bao nhiêu số đo? ? Số đo của góc bẹt bằng bao nhiêu độ? ? Số đo của mỗi góc không vượt quá bao nhiêu độ? - GV cho HS đọc nhận xét SGK. - GV treo bảng phụ ?1 /77 SGK và yêu cầu HS thảo luận theo nhóm.	- HS quan sát thước của mình theo sự hướng dẫn của GV. - Xem hình 10 và cách đo trong SGK sau đó thực hiện đo góc ở hình 10 a và nêu cách đo. - HS chú ý lắng nghe và tự ghi vào vở - Mỗi HS tự vẽ một góc vào vở và tự đo góc đó. - Mỗi góc có một số đo. - Số đo của góc bẹt bằng 180° . - Không vượt quá 180° . - HS nhắc lại nhận xét. - HS thảo luận theo nhóm ?1	1. Đo góc - Cách đo góc: <ul style="list-style-type: none"> • Đặt thước đo sao cho tâm của thước trùng với đỉnh của góc. • Điều chỉnh thước sao cho vạch số 0 của thước trùng với một cạnh của góc, cạnh còn lại trùng với vạch nào của thước thì vạch đó chính là số đo của góc. - Nhận xét : SGK/77 ?1 - Hình 11: 60° .

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
 <p>Hình 11</p>  <p>Hình 12</p> <p>- GV cho HS đọc chú ý SGK.</p>	<p>- HS đọc chú ý SGK.</p>	<p>- Hình 12: 55°.</p> <p>- Chú ý : SGK/77</p>
Hoạt động 2: So sánh hai góc (5ph)		
<p>? Hai góc bằng nhau khi nào? ? Hãy đo và so sánh hai góc ở hình 14; 15?</p> <p>- Khi đó ta nói: Góc xOy và vOu bằng nhau. Kí hiệu: $\hat{xOy} = \hat{vOu}$. Góc sOt lớn hơn góc pIq. Kí hiệu: $\hat{sOt} = \hat{pIq}$.</p> <p>? Muốn so sánh hai góc ta thực hiện như thế nào? - Yêu cầu HS làm ? theo nhóm</p>	<p>- HS suy nghĩ... - HS lên bảng ghi kết quả: Hình 14: $\hat{xOy} = 35^\circ$; $\hat{vOu} = 35^\circ$ Hình 15: $\hat{sOt} = 140^\circ$; $\hat{pIq} = 40^\circ$.</p> <p>- Muốn so sánh hai góc ta so sánh số đo của chúng. - HS làm ? theo nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Góc BAI : 190 • Góc IAC: 450 • Góc BAI bé hơn góc IAC. 	<p>2. So sánh hai góc</p> <p>- So sánh hai góc chính là so sánh số đo của chúng.</p>
Hoạt động 3: Góc vuông, góc nhọn, góc tù (5ph)		
<p>- GV treo bảng phụ có hình vẽ góc vuông, góc nhọn, góc tù và yêu cầu HS lên bảng đo và ghi kết quả. - Giới thiệu khái niệm góc vuông, góc nhọn, góc tù. - GV cho HS nhận xét số đo góc trên hình vẽ ở bảng phụ, và rút ra định nghĩa góc vuông, góc nhọn, góc tù.</p>	<p>- HS chú ý lắng nghe... - HS nhắc lại định nghĩa góc vuông, góc nhọn, góc tù.</p>	<p>3. Góc vuông, góc nhọn, góc tù</p> <p>- Định nghĩa : SGK/78</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
- Hướng dẫn HS thước eke để kiểm tra góc vuông.		
Hoạt động 4: Củng cố (13ph)		
- Nêu định nghĩa về góc vuông, góc nhọn, góc tù? Cho VD. - Yêu cầu HS làm bài 11 SGK. - Yêu cầu HS làm bài 14 SGK.	- HS nêu định nghĩa và cho VD. - HS lên bảng làm bài. - HS trả lời miệng:	* Bài 11/ 79 SGK. $\hat{xOy} = 50^\circ; \hat{xOz} = 100^\circ; \hat{xOt} = 130^\circ.$ * Bài 14/ 79 SGK. Ước lượng bằng mắt: <ul style="list-style-type: none"> • Các góc vuông: (1); (5) • Các góc nhọn: (3); (6) • Các góc tù: (4) • Các góc bẹt: (2) Kiểm tra và đo góc: (1); (5): vuông (3): 67° ; (6): 34° . (4): 135° . (2): 180° .

3. Dẫn dò: (2ph)

- Học thuộc các định nghĩa góc vuông, góc nhọn, góc tù, cách đo một góc.
- Hướng dẫn BTVN 12, 13, 15 / 79; 80 SGK.
- Xem trước bài “Vẽ góc cho biết số đo”.

§4. VẼ GÓC CHO BIẾT SỐ ĐO

I. Mục tiêu:

- HS hiểu trên một nửa mặt phẳng có bờ chia tia Ox, bao giờ cũng vẽ được một và chỉ một tia Oy sao cho $\widehat{xOy} = m^\circ$ ($0 < m < 180$).
- HS biết vẽ góc có số đo cho trước bằng thước thẳng và thước đo góc.
- Xác định tia nằm giữa 2 tia dựa vào số đo góc.

II. Chuẩn bị:

- GV: Giáo án, SGK, SBT, bảng phụ, thước thẳng, thước đo góc,...
- HS: SGK, SBT, thước đo góc,...

III. Các hoạt động dạy học:

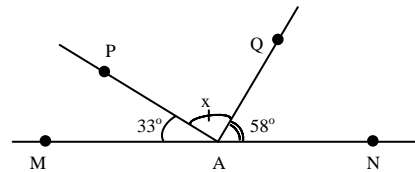
1. Kiểm tra bài cũ: (7ph)

- HS1: Khi nào $\widehat{xOy} + \widehat{yOz} = \widehat{xOz}$? Sửa bài 20/ 82 SGK.
- HS2: Thế nào là hai góc bù nhau? phụ nhau? kề nhau? kề bù nhau? Sửa bài 23/ 83 SGK.

Ta có: $\widehat{MAP} + \widehat{PAN} = 180^\circ$ (vì hai góc kề bù)

$$\Rightarrow \widehat{PAN} = 180^\circ - \widehat{MAP}$$

$$\widehat{PAN} = 180^\circ - 33^\circ = 147^\circ$$



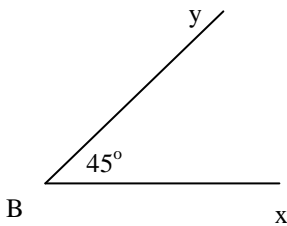
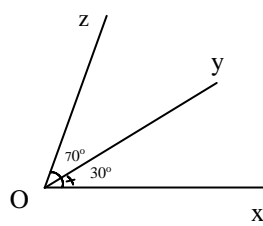
Vì tia AQ nằm giữa tia AP và AN nên $\widehat{PAN} = \widehat{PAQ} + \widehat{QAN}$

$$\Rightarrow \widehat{PAQ} = \widehat{PAN} - \widehat{QAN}$$

$$\widehat{PAQ} = 147^\circ - 58^\circ = 89^\circ.$$

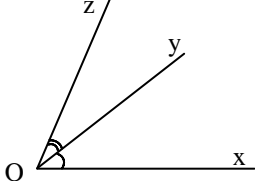
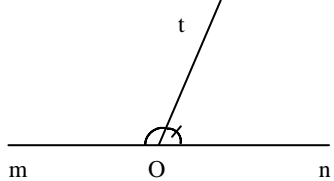
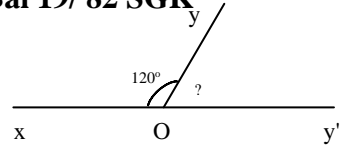
2. Bài mới: Làm thế nào để vẽ một góc khi biết trước số đo của nó?

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
Hoạt động 1: Vẽ góc trên nửa mặt phẳng (10ph)		
<p>- Khi có một góc, ta có thể xác định số đo của nó bằng thước đo góc. Ngược lại, nếu biết số đo của một góc, làm thế nào để vẽ được góc đó.</p> <p>- Yêu cầu HS vẽ tia Ox.</p> <p>- Trên nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox, hãy vẽ tia Oy sao cho $\widehat{xOy} = 40^\circ$ (GV hướng dẫn).</p> <p>❓ Nêu cách vẽ một góc khi biết trước số đo?</p> <p>❓ Trên nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox, ta vẽ được bao</p>	<p>- HS lên bảng vẽ tia Ox.</p> <p>- HS lên bảng vẽ tia Oy theo hướng dẫn của GV.</p> <p>- HS trình bày cách vẽ góc.</p> <p>- Vẽ một tia Oy</p>	<p>1. Vẽ góc trên nửa mặt phẳng</p> <p>- VD: Vẽ $\widehat{xOy} = 40^\circ$</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p>nhiều tia Oy sao cho $x\hat{O}y = 40^\circ$.</p> <p>- GV cho HS đọc nhận xét SGK.</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài 24/ 84 SGK.</p> <p>- GV nhận xét cách vẽ của HS.</p>	<p>- HS đọc nhận xét</p> <p>- HS lên bảng làm bài, các HS khác làm bài vào vở.</p>	<p>- Nhận xét: Trên một nửa mp bờ chứa tia Ox bao giờ cũng vẽ được một và chỉ một tia Oy sao cho $x\hat{O}y = m^\circ$</p> <p>* Bài 24/ 84 SGK</p> 
<p>Hoạt động 2: Vẽ hai góc trên nửa mặt phẳng (13ph)</p>		
<p>- Hãy vẽ $x\hat{O}y = 30^\circ$, $x\hat{O}z = 70^\circ$ trên cùng một nửa mặt phẳng?</p> <p>? Hãy nêu cách vẽ?</p> <p>- Quan sát hình vừa vẽ cho biết tia nào nằm giữa 2 tia còn lại?</p> <p>? Trên một nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox, có $x\hat{O}y = m^\circ$; $x\hat{O}z = n^\circ$. Hỏi tia nào là tia nằm giữa hai tia còn lại?</p> <p>- GV cho HS đọc nhận xét SGK.</p>	<p>- HS trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> Vẽ tia Ox tùy ý Vẽ tia Oy, Oz trên cùng 1 nửa phẳng sao cho $x\hat{O}y = 30^\circ$, $x\hat{O}z = 70^\circ$. <p>- Tia Oy nằm giữa hai tia Ox và Oz.</p> <p>- Trên một nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox, có $x\hat{O}y = m^\circ$; $x\hat{O}z = n^\circ$ thì tia Oy nằm giữa hai tia Ox và Oz.</p> <p>- HS đọc nhận xét.</p>	<p>2. Vẽ 2 góc trên 1 nửa mặt phẳng</p>  <p>Tia Oy nằm giữa Ox và Oz, vì $x\hat{O}y < x\hat{O}z$ ($30^\circ < 70^\circ$).</p> <p>- Nhận xét: Trên một nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox, có $x\hat{O}y = m^\circ$; $x\hat{O}z = n^\circ$ thì tia Oy nằm giữa hai tia Ox và Oz.</p>
<p>Hoạt động 3: Củng cố (13ph)</p>		
<p>- GV treo bảng phụ hình 35/ 84 SGK.</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài 26/84 SGK (vẽ hình vào sách)</p>	<p>- HS lên bảng làm bài.</p>	

3. Dẫn dò: (2ph)

- Học cách vẽ góc biết số đo. Tập vẽ góc khi biết số đo.
- Hướng dẫn BTVN 25, 28/ 84, 85 SGK.
- Xem trước bài “Khi nào thì $x\hat{O}y + y\hat{O}z = x\hat{O}z$?”.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p>❓ Nếu có tia OA nằm giữa tia OB và OC thì suy ra điều gì?</p> <p>- Từ đó, ta tính \widehat{BOC}.</p>	<p>- Suy ra: $\widehat{BOC} = \widehat{BOA} + \widehat{AOC}$.</p>	
Hoạt động 2: Hai góc phụ nhau, bù nhau, kề nhau, kề bù nhau (15ph)		
<p>- GV yêu cầu HS tự đọc các khái niệm hai góc kề nhau, phụ nhau, bù nhau, kề bù.</p> <p>- Sau đó, GV đặt câu hỏi:</p> <p>❓ Thế nào là hai góc kề nhau? Vẽ hình minh họa?</p> <p>❓ Thế nào là hai góc phụ nhau? Vẽ hình minh họa?</p> <p>❓ Thế nào là hai góc bù nhau? Vẽ hình minh họa?</p> <p>❓ Thế nào là hai góc kề bù? Vẽ hình minh họa?</p> <p>- Yêu cầu HS làm ❓ / 81 SGK.</p>	<p>- HS đọc phần 2 SGK.</p> <p>- Hai góc kề nhau là 2 góc có chung 1 cạnh và 2 cạnh còn lại nằm trên 2 nửa mp đối nhau với bờ chứa cạnh chung.</p> <p>- Hai góc phụ nhau là 2 góc có tổng số đo bằng 90°</p> <p>- Hai góc bù nhau là 2 góc có tổng số đo bằng 180°</p> <p>- Hai góc kề bù là 2 góc vừa kề nhau vừa bù nhau.</p> <p>- Hai góc kề bù có tổng số đo bằng 180°.</p>	<p>2. Hai góc kề, phụ nhau, bù nhau, kề bù nhau:</p> <p>- Hai góc kề nhau là 2 góc có chung 1 cạnh và 2 cạnh còn lại nằm trên 2 nửa mặt phẳng đối nhau với bờ chứa cạnh chung.</p>  <p>- Hai góc phụ nhau là 2 góc có tổng số đo bằng 90° VD: Góc 30° và góc 60°...</p> <p>- Hai góc bù nhau là 2 góc có tổng số đo bằng 180° VD: Góc 110° và góc 70°...</p> <p>- Hai góc kề bù là 2 góc vừa kề nhau vừa bù nhau.</p> 
Hoạt động 3: Củng cố (5ph)		
<p>- Cho HS làm bài 19/ 82 (SGK) vào vở.</p>	<p>- HS lên bảng làm bài.</p>	<p>* Bài 19/ 82 SGK</p>  <p>$\widehat{xOz} + \widehat{zOy'} = 180^\circ$ (vì kề bù)</p> <p>$\Rightarrow \widehat{zOy'} = 180^\circ - \widehat{xOz}$</p> <p>$\widehat{zOy'} = 180^\circ - 120^\circ = 60^\circ$.</p>

3. Dẫn dò: (3ph)

- Học thuộc nhận xét trong bài, các khái niệm hai góc kề nhau, phụ nhau, bù nhau, kề bù.
- Hướng dẫn BTVN 20, 22, 23/ 82 SGK.
- Xem trước bài “Tia phân giác của góc”.

§6. TIA PHÂN GIÁC CỦA GÓC

I. Mục tiêu:

- HS hiểu thế nào là tia phân giác của góc, đường phân giác của góc.
- Biết vẽ tia phân giác của góc.
- Rèn tính cẩn thận khi vẽ.

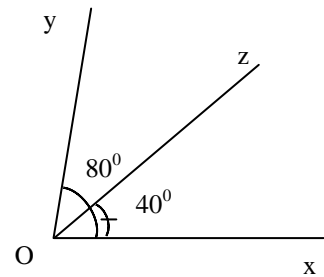
II. Chuẩn bị:

- GV: SGK, SBT, bảng phụ, thước thẳng, thước đo góc, compa, giấy để gấp, phiếu học tập...
- HS: Thước thẳng, thước đo góc, compa, bảng con...

III. Các hoạt động dạy học:

1. Kiểm tra bài cũ: (7ph)

- Vẽ $x\hat{O}y = 80^\circ$, $x\hat{O}z = 40^\circ$ trên cùng một nửa mặt phẳng.
- Hãy cho biết tia nào nằm giữa hai tia còn lại?
- So sánh $x\hat{O}z$ và $z\hat{O}y$?



Đáp án:

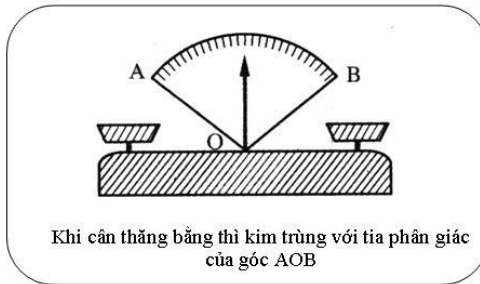
Trên cùng một nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox ta có $x\hat{O}y > x\hat{O}z$ ($80^\circ > 40^\circ$) nên tia Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy.

Do tia Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy nên $x\hat{O}y = x\hat{O}z + z\hat{O}y$

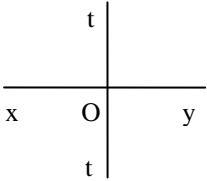
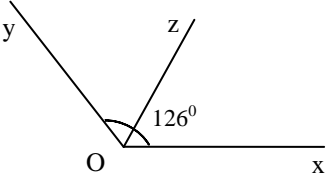
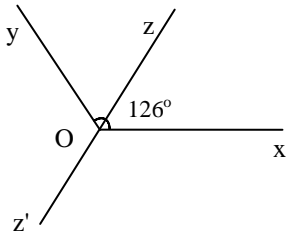
$$\Rightarrow z\hat{O}y = x\hat{O}y - x\hat{O}z = 80^\circ - 40^\circ = 40^\circ$$

Vậy $x\hat{O}z = z\hat{O}y = 40^\circ$.

2. Bài mới:



HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
Hoạt động 1: Tia phân giác của 1 góc là gì? (10ph)		
<p>- Qua bài trên, em hãy cho biết tia phân giác của một góc là tia như thế nào?</p> <p>? Khi nào tia Oz là tia phân giác của góc xOy?</p> <p>- GV cho HS nhắc lại định nghĩa và vẽ hình vào vở.</p>	<p>- HS nêu định nghĩa tia phân giác.</p> <p>- Oz là tia phân giác của góc xOy khi và chỉ khi:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Oz nằm giữa tia Ox và Oy • $x\hat{O}z = z\hat{O}y$ <p>- HS nhắc lại định nghĩa, vẽ hình</p>	<p>1. Tia phân giác của một góc là gì?</p> <p>- Định nghĩa: SGK/ 85</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
Hoạt động 2: Cách vẽ tia phân giác của 1 góc (10ph)		
<p>- VD: Vẽ tia phân giác Oz của góc xOy có số đo 64°.</p> <p>? Để tia phân giác của góc xOy thì Oz phải thỏa mãn điều kiện gì?</p> <p>- Để vẽ tia phân giác Oz của góc xOy ta làm như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Vẽ $x\hat{O}y = 64^\circ$. • Vẽ tia Oz sao cho $x\hat{O}z = 32^\circ$. <p>- Yêu cầu HS lên bảng vẽ hình.</p> <p>- Ngoài cách dùng thước đo góc, ta còn có thể gấp giấy để vẽ tia phân giác.</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài 31/ 87 SGK</p> <p>? Vẽ tia phân giác Oz của xOy ta thực hiện như thế nào?</p> <p>? Hãy cho biết mỗi góc (không phải là góc bẹt) có mấy tia phân giác?</p> <p>? Vậy góc bẹt có mấy tia phân giác? Vẽ hình minh họa.</p> <p>- GV nhấn mạnh: Góc bẹt có 2 tia phân giác.</p>	<p>- Tia Oz phải nằm giữa 2 tia Ox, Oy và tạo với 2 tia Ox, Oy hai góc bằng nhau.</p> <p>- HS lên bảng vẽ hình, các HS khác vẽ hình vào vở.</p> <p>- HS chú ý nghe giảng, và làm theo hướng dẫn của GV.</p> <p>- HS lên bảng làm bài.</p> <p>- HS trả lời: $x\hat{O}z = 126^\circ : 2 = 63^\circ$ Vẽ tia Oz nằm giữa tia Ox và Oy sao cho $x\hat{O}z = 63^\circ$.</p> <p>- Mỗi góc khác góc bẹt chỉ có 1 tia phân giác.</p> <p>- Góc bẹt có 2 tia phân giác.</p> <div style="text-align: center;">  </div>	<p>2. Cách vẽ tia phân giác của một góc: SGK/ 86</p> <p>* Bài 31/ 87 SGK.</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>- Nhận xét: Mỗi góc (khác góc bẹt) chỉ có một tia phân giác.</p>
Hoạt động 3: Chú ý (3ph)		
<p>- Yêu cầu HS tự đọc chú ý SGK, rồi vẽ đường phân giác của góc xOy bài 31/ 87 SGK.</p>	<p>- HS đọc chú ý SGK</p>	<p>3. Chú ý: Đường thẳng chứa tia phân giác của một góc là đường phân giác của góc đó.</p>
Hoạt động 4: Củng cố (13ph)		
<p>- Yêu cầu HS làm bài 31 /87 SGK.</p>	<p>- HS lên bảng làm bài, các HS khác làm bài vào vở.</p>	<p>* Bài 31/ 87 SGK.</p> <div style="text-align: center;">  </div>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p>? Khi nào ta nói tia Ot là tia phân giác của góc xOy? Trong những câu trả lời sau, em hãy chọn những câu đúng:</p> <p>Tia Ot là tia phân giác của góc xOy khi:</p> <p>a) $\widehat{xOt} = \widehat{yOt}$</p> <p>b) $\widehat{xOt} + \widehat{tOy} = \widehat{xOy}$</p> <p>c) $\widehat{xOt} + \widehat{tOy} = \widehat{xOy}$ và $\widehat{xOt} = \widehat{yOt}$</p> <p>d) $\widehat{xOt} = \widehat{yOt} = \frac{\widehat{xOy}}{2}$</p>	<p>- Tia Ot là tia phân giác góc xOy nếu tia Ot nằm giữa 2 tia Ox và Oy và $\widehat{xOt} = \widehat{yOt}$.</p> <p>- HS trả lời:</p> <p>a) Sai</p> <p>b) Sai</p> <p>c) Đúng</p> <p>d) Đúng.</p>	<p>* Bài 32/ 87 SGK.</p> <p>Tia Ot là tia phân giác của góc xOy khi:</p> <p>a) Sai</p> <p>b) Sai</p> <p>c) Đúng</p> <p>d) Đúng.</p>

3. Dặn dò: (2ph)

- Học thuộc định nghĩa tia phân giác của một góc, đường phân giác của một góc. Rèn kĩ năng nhận biết tia phân giác của một góc.
- Hướng dẫn BTVN 30/ 87 SGK.
- Xem trước các bài tập ở phần “Luyện tập”.

LUYỆN TẬP TIA PHÂN GIÁC CỦA GÓC

I. Mục tiêu:

- Kiểm tra và khắc sâu kiến thức về tia phân giác của một góc.
- Rèn kỹ năng giải bài về tính góc. Áp dụng tính chất về tia phân giác của một góc để làm bài.
- Rèn kỹ năng vẽ hình.

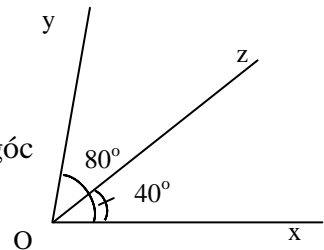
II. Chuẩn bị:

- GV: SGK, SBT, bảng phụ, thước thẳng, thước đo góc, phiếu học tập, phấn màu...
- HS: Thước thẳng, thước đo góc, bảng con...

III. Các hoạt động dạy học:

1. Kiểm tra bài cũ: (10ph)

- Thế nào là tia phân giác của một góc?
- Làm bài: Cho hình vẽ. Tia Oz có phải là tia phân giác của góc \widehat{xOy} không? Vì sao?
- *Đáp án:*



Trên một nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox ta có $\widehat{xOy} > \widehat{xOz}$ ($80^\circ > 40^\circ$) nên tia Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy (1)

Suy ra: $\widehat{xOy} = \widehat{xOz} + \widehat{zOy}$

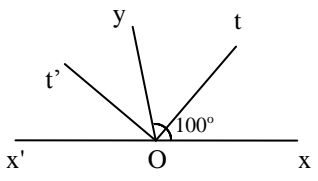
$\Rightarrow \widehat{zOy} = \widehat{xOy} - \widehat{xOz} = 80^\circ - 40^\circ = 40^\circ$

$\Rightarrow \widehat{zOy} = \widehat{xOz} = 40^\circ$ (2)

Từ (1) và (2), suy ra tia Oz là tia phân giác của góc xOy.

2. Luyện tập:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
Hoạt động 1: Luyện tập (30ph)		
<p>- Yêu cầu HS làm bài 33 SGK.</p> <p>[?] Để tính được $\widehat{x'Ot}$ ta cần biết số đo của những góc nào?</p> <p>- Làm thế nào để tính $\widehat{x'Oy}$?</p> <p>☞ Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> • $\widehat{x'Oy}$ và \widehat{xOy} là hai góc như thế nào? • Ta có tia Ot là tia phân giác của \widehat{xOy}. Tính $\widehat{yOt} = ?$ 	<p>- HS lên bảng làm vẽ hình.</p> <p>- Cần biết $\widehat{x'Oy}$ và \widehat{yOt}</p> <p>- $\widehat{x'Oy}$ và \widehat{xOy} là hai góc kề bù.</p> <p>- $\widehat{yOt} = \widehat{xOy} : 2$</p>	<p style="text-align: center;">LUYỆN TẬP</p> <p>* Bài 33/87 SGK.</p> <div style="text-align: center;"> </div> <p>Ta có:</p> <p>$\widehat{x'Oy} + \widehat{xOy} = 180^\circ$ (vì kề bù)</p> <p>$\Rightarrow \widehat{x'Oy} = 180^\circ - \widehat{xOy}$</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p>- Yêu cầu HS làm bài 34/ 87 SGK</p> <p>[?] Để tính $\widehat{x'Ot}$ ta cần biết góc nào? (Gợi ý: $\widehat{x'Ot}$ và \widehat{xOt} là hai góc kề bù)</p> <p>[?] Để tính góc \widehat{xOt} ta thực hiện như thế nào?</p> <p>- Ta có \widehat{xOt} và $\widehat{x'Ot}$ là hai góc kề bù. Tính $\widehat{x'Ot}$.</p> <p>[?] Để tính $\widehat{xOt'}$, ta cần biết góc nào?</p> <p>- Gợi ý: Để tính $\widehat{xOt'}$</p> <ul style="list-style-type: none"> • $\widehat{x'Oy} = ?$ ($\widehat{x'Oy}$ kề bù với là góc nào?) • $\widehat{x'Ot'} = ?$ • $\widehat{xOt'} = ?$ <p>- GV nhận xét bài làm của HS.</p>	<p>- HS lên bảng làm bài...</p> <p>- Cần biết số đo góc \widehat{xOt}</p> <p>- Có $\widehat{xOt} = \widehat{yOt} = \widehat{xOy} : 2 = 50^0$ (vì Ot là tia phân giác góc \widehat{xOy})</p> <p>- $\widehat{x'Ot} = 180^0 - \widehat{xOt} = 130^0$.</p> <p>- Cần biết góc $\widehat{xOt'}$</p> <p>- HS trả lời:</p> <p>- Có $\widehat{xOy} + \widehat{x'Oy} = 180^0$ (kề bù)</p> <p>$\Rightarrow \widehat{x'Oy} = 180^0 - \widehat{xOy} = 100^0$</p> <p>- Vì Ot' là tia phân giác của $\widehat{x'Oy}$ nên $\widehat{xOt'} = \widehat{yOt'} = 2 = 40^0$</p> <p>- Có $\widehat{xOt'} + \widehat{x'Ot'} = 180^0$ (kề bù)</p> <p>$\Rightarrow \widehat{xOt'} + 40^0 = 180^0$</p> <p>$\Rightarrow \widehat{xOt'} = 140^0$</p>	<p>$\widehat{x'Oy} = 180^0 - 130^0 = 50^0$</p> <p>$\widehat{yOt} = \widehat{xOy} : 2$ (vì Ot là tia phân giác của \widehat{xOy})</p> <p>$\Rightarrow \widehat{yOt} = 130^0 : 2 = 65^0$</p> <p>$\widehat{x'Ot} = \widehat{x'Oy} + \widehat{yOt}$ $= 50^0 + 65^0 = 115^0$.</p> <p>* Bài 34/ 87 SGK</p>  <p>Vì Ot là tia phân giác của \widehat{xOy} nên $\widehat{xOt} = \widehat{yOt} = \widehat{xOy} : 2 = 50^0$</p> <p>Ta có $\widehat{x'Ot} + \widehat{xOt} = 180^0$ (kề bù)</p> <p>$\Rightarrow \widehat{x'Ot} + 50^0 = 180^0$</p> <p>$\Rightarrow \widehat{x'Ot} = 180^0 - 50^0 = 130^0$</p> <p>Ta có $\widehat{xOy} + \widehat{x'Oy} = 180^0$ (kề bù)</p> <p>$\Rightarrow 100^0 - \widehat{x'Oy} = 180^0$</p> <p>$\Rightarrow \widehat{x'Oy} = 180^0 - 100^0 = 80^0$</p> <p>Vì Ot' là tia phân giác của $\widehat{x'Oy}$ nên $\widehat{xOt'} = \widehat{yOt'} = \widehat{x'Oy} : 2$</p> <p>$\Rightarrow \widehat{xOt'} = 80^0 : 2 = 40^0$</p> <p>Mà $\widehat{xOt'} + \widehat{t'Ox'} = 180^0$ (vì kề bù)</p> <p>$\Rightarrow \widehat{xOt'} + 40^0 = 180^0$</p> <p>$\Rightarrow \widehat{xOt'} = 180^0 - 40^0 = 140^0$.</p> <p>Ta có: $\widehat{yOt} + \widehat{yOt'} = \widehat{tOt'}$</p> <p>$\Rightarrow 50^0 + 40^0 = \widehat{tOt'}$</p> <p>$\Rightarrow \widehat{tOt'} = 90^0$.</p>

§7. THỰC HÀNH ĐO GÓC TRÊN MẶT ĐẤT

I. Mục tiêu:

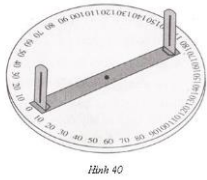

- HS hiểu cấu tạo của giác kế. Biết cách sử dụng giác kế để đo góc trên mặt đất.
- Giáo dục HS ý thức tập thể, kỷ luật và biết thực hiện những quy định về kỹ thuật thực hành.

II. Chuẩn bị:

- GV: Bộ thực hành mẫu: 1 giác kế, 2 cọc tiêu dài 1,5m có 1 đầu nhọn, 1 cọc tiêu ngắn 0,3m, búa đóng cọc; tranh vẽ hình 40, 41, 42; bốn bộ thực hành dành cho HS; Chuẩn bị địa điểm thực hành.
- HS: Mỗi nhóm cùng GV chuẩn bị dụng cụ thực hành...

III. Các hoạt động dạy học:

1. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
Hoạt động 1: Tìm hiểu dụng cụ đo góc trên mặt đất (10ph)		
<p>- GV giới thiệu dụng cụ đo góc trên mặt đất là giác kế:</p> <div style="text-align: center;">  <p>Hình 40</p> </div> <p>- Quan sát mặt đĩa tròn có gì?</p> <p>- GV: Trên mặt đĩa còn có một thành quay xung quanh tâm đĩa. Trên thanh có hai tấm thẳng đứng, mỗi tấm có một khe hở; hai khe hở và tâm của đĩa thẳng hàng.</p>	<p>- Mặt đĩa tròn được chia độ sẵn từ 0° đến 180°.</p> <p>- HS chú ý nghe giảng.</p>	<p>1. Dụng cụ đo góc trên mặt đất</p>
Hoạt động 2: Hướng dẫn cách đo góc trên mặt đất (15ph)		
<p>- GV gọi HS đọc SGK / 88</p> <div style="text-align: center;">  <p>Hình 41</p> </div>	<p>- HS đọc mục 2 SGK/ 88</p>	<p>2. Cách đo góc trên mặt đất</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
- GV hướng dẫn và phân tích cách bước đo góc trên mặt đất như SGK.		
Hoạt động 3: Chuẩn bị dụng cụ (5ph)		
- Yêu cầu các Trưởng nhóm báo cáo việc chuẩn bị thực hành của từng nhóm: <ul style="list-style-type: none"> • Dụng cụ đo • Phân công HS ghi biên bản. 	- Trưởng nhóm kiểm tra và báo cáo việc chuẩn bị thực hành của nhóm.	
Hoạt động 4: Thực hành (45ph)		
- GV cho HS xuống sân thực hành, phân công vị trí từng tổ và nói rõ yêu cầu: đóng cọc A và B; dùng giác kế đo góc theo 4 bước SGK; ghi biên bản.	- HS xuống sân thực hành. - HS thực hành và ghi biên bản: NỘI DUNG BIÊN BẢN: - TổLớp..... - Tên thành viên: 1) Dụng cụ:..... 2) Ý thức kỷ luật: 3) Kết quả thực hành: + N1: Góc ACB bằng:..... + N2: Góc ADB bằng:..... +N3: Góc AEB bằng: + N4: Góc AFB bằng: 4) Nhận xét: 5) Điểm:.....	
Hoạt động 5: Nhận xét, đánh giá (8ph)		
- GV đánh giá, nhận xét kết quả thực hành của các nhóm. - Thu báo cáo thực hành và cho điểm thực hành của các nhóm.	- HS chú ý lắng nghe GV nhận xét, đánh giá giờ thực hành của từng nhóm.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
Hoạt động 6: Vệ sinh tay chân (5ph)		
- GV yêu cầu HS cất dụng cụ, vệ sinh tay chân.	- HS cất dụng cụ thực hành, và vệ sinh tay chân chuẩn bị vào giờ học sau.	

2. Dẫn dò: (2ph)

- Chuẩn bị dụng cụ compa.
- Xem trước bài “Đường tròn”.

§8. ĐƯỜNG TRÒN

I. Mục tiêu:

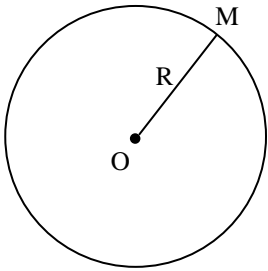
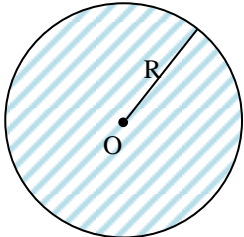
- Hiểu đường tròn là gì? Hình tròn là gì? Hiểu thế nào là cung, dây cung, đường kính, bán kính.
- Biết sử dụng thành thạo compa; biết vẽ đường tròn, cung tròn.
- Rèn tính cẩn thận, chính xác khi sử dụng compa vẽ hình.

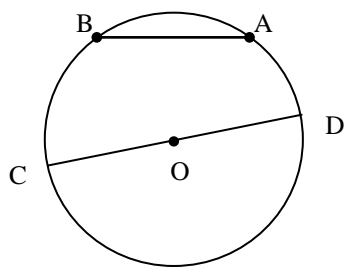
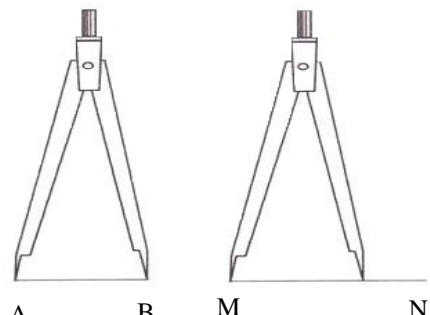
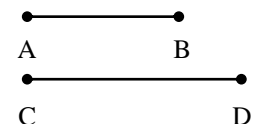
II. Chuẩn bị:


- GV: SGK, SBT, thước kẻ, compa, thước đo góc, phấn màu...
- HS: SGK, SBT, thước chia khoảng, thước đo góc, compa...

III. Các hoạt động dạy học:

1. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
Hoạt động 1: Đường tròn và hình tròn (15ph)		
<p>? Hãy cho biết để vẽ đường tròn người ta dùng dụng cụ gì?</p> <p>? Cho điểm O, hãy vẽ đường tròn tâm O, bán kính 2cm?</p> <p>- Lấy điểm A, B, C... bất kì trên đường tròn. Các điểm này cách tâm O một khoảng là bao nhiêu?</p> <p>- Vậy đường tròn tâm O, bán kính 2cm là hình gồm các điểm cách O một khoảng bằng 2cm.</p> <p>? Vậy đường tròn tâm O, bán kính R là hình gồm các điểm như thế nào?</p> <p>- GV giới thiệu kí hiệu đường tròn tâm O, bán kính R: (O; R).</p> <p>- GV treo hình 43b/ 89 SGK và giới thiệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Điểm nằm trên đường tròn: M \in (O; R) • Điểm nằm bên trong đường tròn: N • Điểm nằm bên ngoài đường tròn: P <p>? Hãy đo và so sánh độ dài các đoạn thẳng OM; ON; OP?</p> <p>- Hãy nhận xét khoảng cách của các điểm nằm trên đường tròn, nằm trong đường tròn, nằm ngoài đường tròn với bán kính.</p>	<p>- Để vẽ đường tròn ta dùng compa.</p> <p>- HS vẽ đường tròn tâm O, bán kính 2cm vào vở.</p> <p>- Các điểm A, B, C cách tâm o một khoảng bằng 2cm.</p> <p>- HS chú ý nghe giảng...</p> <p>- Hình gồm các điểm cách O một khoảng R.</p> <p>- HS chú ý lắng nghe...</p> <p>- HS trả lời: ON < OM; OM < OP.</p> <p>- HS nhận xét...</p>	<p>1. Đường tròn và hình tròn</p> <p>a) Đường tròn:</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>- Đường tròn tâm O, bán kính R là hình gồm các điểm cách O một khoảng cách R, kí hiệu (O;R).</p> <p>b) Hình tròn:</p> <div style="text-align: center;">  </div>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
- Quan sát hình 43b, hãy cho biết hình tròn là hình gồm những điểm như thế nào?	- Hình tròn là hình gồm các điểm nằm trên đường tròn và các điểm nằm bên trong đường tròn đó.	- Hình tròn là hình gồm các điểm nằm trên đường tròn và các điểm nằm bên trong đường tròn đó.
Hoạt động 2: Cung và dây cung (10ph)		
- GV yêu cầu HS vẽ đường tròn O, bán kính R. - Gọi HS lấy 2 điểm A, B nằm trên đường tròn. Hai điểm này chia đường tròn ra mấy phần? - Hai điểm này chia đường tròn làm hai phần. Mỗi phần là một cung tròn. Được gọi là cung AB, với A, B là hai mút của cung. - GV kẻ đoạn thẳng nối 2 mút của cung AB và giới thiệu dây cung AB. ? Dây cung là gì? - Hãy vẽ dây cung đi qua tâm O? - GV đường kính CD của (O; R). - Thế nào là đường kính? - So sánh độ dài của đường kính và bán kính?	- HS lên bảng vẽ đường tròn O, các HS khác vẽ vào vở. - HS lấy 2 điểm A, B \in (O; R) và trả lời: A, B chia đường tròn làm 2 phần. - HS chú ý nghe giảng... - Dây cung là đoạn thẳng nối hai mút của cung. - HS lên bảng vẽ hình - Đường kính là dây cung đi qua tâm. - Đường kính dài gấp đôi bán kính.	2. Cung và dây cung  - Hai điểm A, B nằm trên đường tròn tâm O. Hai điểm này chia đường tròn làm hai phần. Mỗi phần là một dây cung. - Đoạn thẳng nối hai mút của cung tròn là dây cung. - Đường kính là dây đi qua tâm. - Đường kính dài gấp đôi bán kính.
Hoạt động 3: Một số công dụng khác của compa (8ph)		
- Ngoài công dụng vẽ đường tròn, compa còn có công dụng nào nữa? - Compa còn dùng để so sánh hai đoạn thẳng mà không đo độ dài của các đoạn đoạn. - GV treo hình 46/ 90 SGK, quan sát và nêu cách làm để so sánh đoạn thẳng AB; MN. - Gọi HS lên bảng vẽ hai đoạn thẳng AB, CD. ? Làm thế nào để biết tổng của độ dài AB và CD mà không phải đo riêng từng đoạn thẳng? - Yêu cầu HS đọc cách làm SGK/ 91.	- HS suy nghĩ... - Dùng compa đo đoạn AB, đặt 1 đầu compa vào điểm M, đầu 2 đặt trên tia MN. <ul style="list-style-type: none"> • Nếu đầu nhọn 2 trùng với N thì $AB = MN$. • Nếu đầu nhọn 2 nằm giữa M và N thì $AB < MN$. • Nếu đầu nhọn 2 nằm ngoài MN thì $AB > MN$. - Hai HS lên bảng vẽ hình. - HS đọc và làm theo hướng dẫn.	3. Một số công dụng khác của compa - VD1: So sánh AB, MN  - VD2: Tìm tổng độ dài đoạn thẳng AB và CD 

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
		Giải: <ul style="list-style-type: none"> • Vẽ tia Ox (thước thẳng) • Trên tia Ox, vẽ hai đoạn thẳng $OM = AB$; $MN = CD$ (compa) • Đoạn thẳng $ON = AB + CD$. 
Hoạt động 4: Củng cố (10ph)		
- Yêu cầu HS làm bài 39/ 92 SGK	- HS lên bảng làm bài, các HS khác làm bài vào vở.	* Bài 39/ 92 SGK a) Vì $C, D \in (A; 3\text{cm}); (B; 2\text{cm})$ $\Rightarrow CA = DA = 3\text{cm}; CB = DB = 2\text{cm}$. b) $I \in (B; 2\text{cm}) \Rightarrow IB = 2\text{cm}$ Vì I nằm giữa A, B nên: $AB = AI + IB$ $4 = AI + 2$ $AI = 4 - 2 = 2\text{ cm}$ $\Rightarrow AI = IB = AB : 2 = 2\text{cm}$ $\Rightarrow I$ là trung điểm của AB. c) $K \in (A; 3\text{cm}) \Rightarrow AK = 3\text{cm}$ Vì I nằm giữa A và K nên: $AK = AI + IK$ $3 = 2 + IK$ $IK = 3 - 2 = 1\text{cm}$.

2. Dẫn dò: (2ph)

- Học thuộc khái niệm đường tròn, hình tròn, cung, dây cung.
- Hướng dẫn BTVN 40, 41, 42/ 92, 93 SGK.
- Xem trước bài “Tam giác”.

§9. TAM GIÁC

I. Mục tiêu:

- Nắm được định nghĩa tam giác.
- Hiểu đỉnh, cạnh, góc của tam giác là gì?
- Biết vẽ tam giác; biết gọi tên và kí hiệu tam giác.
- Nhận biết điểm nằm bên trong và nằm bên ngoài tam giác.

II. Chuẩn bị:

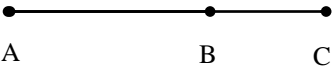
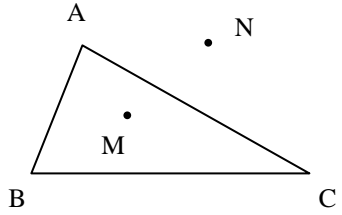
- GV: SGK, SBT, thước kẻ, compa, thước đo góc, phấn màu...
- HS: SGK, SBT, thước chia khoảng, thước đo góc, compa...

III. Các hoạt động dạy học:

1. Kiểm tra bài cũ: (7ph)

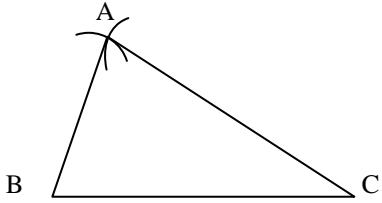
- HS1:
 - Thế nào là đường tròn tâm O, bán kính R?
 - Cho đoạn thẳng BC = 3,5cm. Vẽ đường tròn (B; 2,5cm) và (C; 2cm). Hai đường tròn cắt nhau tại A và D. Tính độ dài AB, AC.
- HS2: Sửa bài tập 41/ 92.

2. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
Hoạt động 1: Tam giác ABC là gì? (25ph)		
<p>- GV chỉ vào hình ở đầu bài và giới thiệu đó là tam giác ABC. Vậy thế nào là tam giác ABC?</p> <p>- GV treo hình:</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>❓ Hình này có phải là tam giác ABC hay không? Vì sao?</p> <p>- Yêu cầu HS vẽ tam giác ABC.</p> <p>- GV giới thiệu kí hiệu tam giác ABC: $\triangle ABC$.</p> <p>- GV giới thiệu tiếp cách đọc $\triangle ABC$, $\triangle ACB$, $\triangle BAC$, $\triangle BCA$, $\triangle CAB$, $\triangle CBA$.</p> <p>- Yêu cầu HS nhắc lại định nghĩa tam giác ABC.</p> <p>- GV lấy hai điểm M, N như hình 53 và giới thiệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Điểm nằm bên trong tam giác: M 	<p>- Tam giác ABC là hình gồm ba đoạn thẳng AB, BC, CA khi ba điểm A, B, C không thẳng hàng.</p> <p>- Không là tam giác ABC, vì ba điểm A, B, C thẳng hàng.</p> <p>- HS lên bảng vẽ tam giác ABC, các HS khác vẽ vào vở.</p> <p>- HS tiếp thu kiến thức</p> <p>- HS nhắc lại định nghĩa SGK.</p>	<p>1. Tam giác ABC là gì?</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>- Định nghĩa: <i>Tam giác ABC là hình gồm ba đoạn thẳng AB, BC, CA khi ba điểm A, B, C không thẳng hàng.</i></p> <p>- Kí hiệu: $\triangle ABC$.</p>

<ul style="list-style-type: none"> • Điểm nằm bên ngoài tam giác: N - GV treo hình 55/ 95 SGK - Yêu cầu HS làm bài 44/ 95. 	<p>- HS lên bảng làm bài.</p>	<p>* Bài 44/ 95 SGK</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên</th> <th>Đỉnh</th> <th>Góc</th> <th>Cạnh</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>ΔABI</td> <td>A, B, I</td> <td>\hat{BAI} \hat{ABI} \hat{AIB}</td> <td>AB, AI, BI</td> </tr> <tr> <td>ΔAIC</td> <td>A, I, C</td> <td>\hat{CAI} \hat{ACI} \hat{AIC}</td> <td>AI, AC, IC</td> </tr> <tr> <td>ΔABC</td> <td>A, B, C</td> <td>\hat{BAC} \hat{ABC} \hat{ACB}</td> <td>AB, BC, CA</td> </tr> </tbody> </table>	Tên	Đỉnh	Góc	Cạnh	ΔABI	A, B, I	\hat{BAI} \hat{ABI} \hat{AIB}	AB, AI, BI	ΔAIC	A, I, C	\hat{CAI} \hat{ACI} \hat{AIC}	AI, AC, IC	ΔABC	A, B, C	\hat{BAC} \hat{ABC} \hat{ACB}	AB, BC, CA
Tên	Đỉnh	Góc	Cạnh															
ΔABI	A, B, I	\hat{BAI} \hat{ABI} \hat{AIB}	AB, AI, BI															
ΔAIC	A, I, C	\hat{CAI} \hat{ACI} \hat{AIC}	AI, AC, IC															
ΔABC	A, B, C	\hat{BAC} \hat{ABC} \hat{ACB}	AB, BC, CA															

Hoạt động 2: Vẽ tam giác (10ph)

<p>- VD: Vẽ tam giác ABC, biết BC= 4cm, AB = 3cm, AC= 2cm.</p> <p>? Để vẽ tam giác khi biết độ dài ba cạnh của nó ta thực hiện như thế nào?</p> <p>- GV hướng dẫn HS vẽ tam giác ABC.</p>	<p>- HS suy nghĩ...</p> <p>- HS vẽ hình vào vở theo hướng dẫn GV.</p>	<p>2. Vẽ tam giác</p> <p>- VD: Vẽ tam giác ABC, biết BC= 4cm, AB= 3cm, AC = 2cm.</p> <p>Cách vẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Vẽ đoạn thẳng BC = 4cm • Vẽ cung tròn tâm B, bán kính 2cm và cung tròn tâm C, bán kính 3cm. • Gọi A là giao điểm của hai cung trên. • Nối đoạn thẳng AB, AC, ta có tam giác ABC cần tìm. 
--	---	---

3. Dặn dò: (3ph)

- Học thuộc định nghĩa tam giác, và nắm vững cách vẽ một tam giác khi biết ba cạnh của nó.
- Hướng dẫn BTVN 45, 46, 47/ 95 SGK.
- Học thuộc các câu hỏi ôn tập.

ÔN TẬP CHƯƠNG II

I. Mục tiêu:

- Hệ thống hóa kiến thức về góc.
- Sử dụng thành thạo các dụng cụ để đo, vẽ góc, đường tròn, tam giác.
- Bước đầu tập suy luận đơn giản.

II. Chuẩn bị:

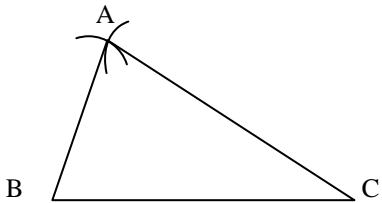
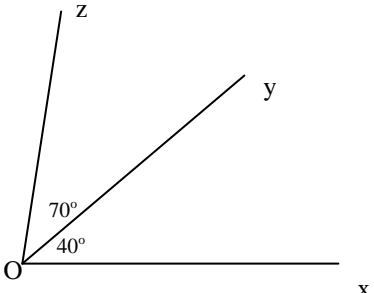
- GV: SGK, SBT, thước kẻ, compa, thước đo góc, phấn màu...
- HS: SGK, SBT, thước chia khoảng, thước đo góc, compa...

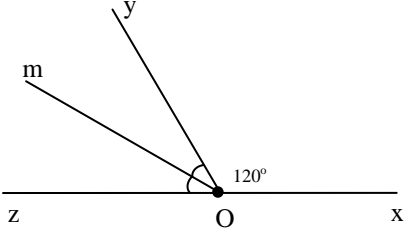
III. Các hoạt động dạy học:

1. Kiểm tra bài cũ: (15ph)

- Góc, góc bẹt là gì? Vẽ hình minh họa.
- Góc vuông, góc nhọn, góc tù là gì? Vẽ hình minh họa.
- Hai góc phụ nhau là gì? Lấy VD minh họa.
- Hai góc bù nhau là gì? Lấy VD minh họa.
- Hai góc kề bù là gì? Vẽ hình minh họa.
- Tia phân giác của một góc là gì?

2. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
Hoạt động 1: Ôn tập chương II (38ph)		
<p>- Bài 1: Vẽ tam giác ABC, biết $AB=3\text{cm}; AC=2,5\text{cm}; BC=3,5\text{cm}$.</p> <p>- Bài 2: Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox, vẽ góc $\angle xOy = 40^\circ; \angle xOz = 80^\circ$.</p> <p>a) Ox, Oy, Oz tia nào là tia nằm giữa? Vì sao?</p> <p>b) Tính số đo góc $\angle yOz$?</p> <p>c) Tia Oy có phải là tia phân giác của góc $\angle xOz$ hay không? Vì sao?</p>	<p>- HS lên bảng vẽ hình.</p> <p>- HS lên bảng làm bài, các HS khác làm vào vở.</p>	<p style="text-align: center;">ÔN TẬP CHƯƠNG II</p> <p>* Bài 1: Vẽ tam giác ABC, biết $AB=3\text{cm}; AC=2,5\text{cm}; BC=3,5\text{cm}$.</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>* Bài 2:</p> <div style="text-align: center;">  </div>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p>- GV nhận xét và sửa bài làm HS</p> <p>- Bài 3: Cho hai góc kề bù xOy và yOz, biết góc xOy = 120°.</p> <p>a) Tính số đo góc yOz?</p> <p>b) Gọi Om là tia phân giác của góc yOz. Tính số đo góc xOm?</p>	<p>- Cả lớp làm bài...</p>	<p>a) Trên nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox, ta có góc xOy < xOz nên tia Oy nằm giữa Ox và Oz.</p> <p>b) Vì tia Oy nằm giữa tia Ox và Oz nên:</p> $\widehat{xOy} + \widehat{yOz} = \widehat{xOz}$ $40^\circ + \widehat{yOz} = 80^\circ$ $\Rightarrow \widehat{yOz} = 80^\circ - 40^\circ = 40^\circ.$ <p>c) Tia Oy là tia phân giác của góc xOz, vì Oy nằm giữa hai tia Ox, Oz và $\widehat{yOz} = 40^\circ$.</p> <p>* Bài 3:</p>  <p>a) Ta có: $\widehat{xOy} + \widehat{yOz} = 180^\circ$ (vì hai góc kề bù)</p> $120^\circ + \widehat{yOz} = 180^\circ$ $\Rightarrow \widehat{yOz} = 180^\circ - 120^\circ = 60^\circ$ <p>b) $\widehat{yOm} = \widehat{yOz} : 2$ (vì Om là tia phân giác góc yOz)</p> $\Rightarrow \widehat{yOm} = 60^\circ : 2 = 30^\circ$ $\widehat{xOm} = \widehat{xOy} + \widehat{yOm}$ $\widehat{xOm} = 120^\circ + 30^\circ = 150^\circ.$

3. Dặn dò: (2ph)

- Học thuộc các định nghĩa: nửa mặt phẳng, góc, góc vuông, góc bẹt, góc tù, hai góc phụ nhau, hai góc bù nhau, hai góc kề bù, tia phân giác của một góc, tam giác, đường tròn.
- Nắm vững tính chất trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox, có $\widehat{xOy} < \widehat{xOz}$ nên tia Oy nằm giữa Ox và Oz.
- Chuẩn bị giấy, thước thẳng, thước đo góc, compa tiết sau kiểm tra 1 tiết.

KIỂM TRA 1 TIẾT CHƯƠNG II

I. Mục tiêu:

- Kiểm tra việc lĩnh hội kiến thức chương II của HS:

II. Chuẩn bị:

- GV: Các đề kiểm tra...
- HS: Giấy kiểm tra, thước chia khoảng, thước đo góc, compa...

III. Nội dung:

1. Đề kiểm tra:

Bài 1 (5,5đ): Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox, vẽ $\widehat{xOy} = 100^\circ$ và $\widehat{xOz} = 50^\circ$.

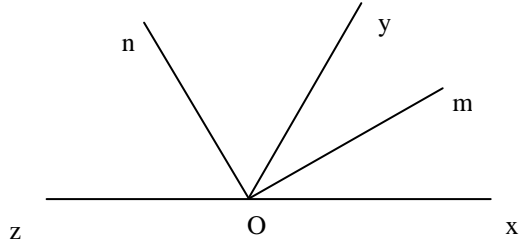
- a) Trong 3 tia Ox, Oy, Oz tia nào nằm giữa hai tia còn lại? Vì sao?
- b) Tính số đo góc yOz?
- c) Tia Oz có phải là tia phân giác của góc xOy hay không? Vì sao?

Bài 2 (4,5đ): Cho hai góc kề bù xOy và yOz, biết $\widehat{xOy} = 60^\circ$.

- a) Tính \widehat{yOz} ?
- b) Gọi Om, On lần lượt là tia phân giác của góc xOy và yOz. Tính \widehat{mOn} ?

2. Đáp án:

Bài	Nội dung	Điểm
1a		1,0
	Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox ta có $\widehat{xOz} < \widehat{xOy}$ (vì $50^\circ < 100^\circ$) nên Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy.	1,5
1b	Vì Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy nên $\widehat{xOz} + \widehat{zOy} = \widehat{xOy}$ $\Rightarrow 50^\circ + \widehat{zOy} = 100^\circ$ $\Rightarrow \widehat{zOy} = 100^\circ - 50^\circ = 50^\circ$	0,5 0,5 0,5
1c	Tia Oz là tia phân giác của góc xOy, vì: Oz nằm giữa Ox và Oy $\widehat{xOz} = \widehat{zOy} = 50^\circ$.	0,5 0,5 0,5

Bài	Nội dung	Điểm
2a	 <p>Ta có: $\widehat{xOy} + \widehat{yOz} = 180^0$ (kề bù)</p> <p>$\Rightarrow 60^0 + \widehat{yOz} = 180^0$</p> <p>$\Rightarrow \widehat{yOz} = 120^0$</p>	1,5 0,5 0,5 0,5
2b	<p>Vì Om là tia phân giác của góc xOy nên $\widehat{xOm} = \widehat{yOm} = \widehat{xOy} : 2 = 30^0$</p> <p>Vì On là tia phân giác của góc yOz nên $\widehat{yOn} = \widehat{nOz} = \widehat{yOz} : 2 = 60^0$</p> <p>Ta có: $\widehat{yOm} + \widehat{yOn} = 30^0 + 60^0 = 90^0$.</p>	0,5 0,5 0,5

